

HỌC THUYẾT VỀ HAI MẶT CỦA LAO ĐỘNG SẢN XUẤT HÀNG HÓA LÀ ĐIỂM XUẤT PHÁT CỦA TOÀN BỘ CÁC NHẬN THỨC VỀ KINH TẾ TBCN

PTS. HỒ TẤN PHONG

Hàng hóa, sự thống nhất và mâu thuẫn giữa giá trị sử dụng và giá trị.

La động sản xuất hàng hóa có tính chất hai mặt nên hàng hóa có hai thuộc tính.

Giá trị sử dụng của hàng hóa cũng có tính hai mặt: đối với người bán, hàng hóa đó biểu hiện ra như một thực thể mang giá trị, nghĩa là như giá trị sử dụng hình thức. Đối với người mua, hàng hóa có giá trị sử dụng thực tế là khả năng thỏa mãn nhu cầu của họ.

Giá trị của hàng hóa cũng có cấu trúc 2 mặt, một là phần giá trị cụ thể chuyên sang (gắn với lao động cụ thể), mặt khác, là phần giá trị mới tạo ra (gắn với lao động trừu tượng).

Sơ đồ 1

Trong nền kinh tế hàng hóa có nhiều loại hàng hóa như cổ phiếu, trái phiếu, tiền giấy, vãn tự nợ... chỉ có giá trị sử dụng hình thức gắn liền với giá trị những hàng hóa đó (dấu hiệu giá trị, dấu hiệu tiền tệ).

Trên cơ sở lý luận về tính chất hai mặt của lao động, hai thuộc tính của hàng hóa, có thể thấy nguồn gốc của cái trong xã hội tư bản.

Của cái đó "như đồng không lõ những hàng hóa" một mặt là khối lượng những giá trị sử dụng, có nguồn gốc từ tự nhiên và lao động cụ thể của công nhân làm thuê; mặt khác của cái đó như những giá trị, có nguồn gốc là lao động trừu tượng (nói chính xác hơn là lao động trừu tượng thặng dư vì phần lao động tất yếu đã thuộc về công nhân).

K.Marx khi phê phán quan điểm Lassan đã chỉ ra: Lao động không phải là nguồn gốc duy nhất mọi của cái, tự nhiên, theo mức độ tham gia của nó là nguồn gốc các giá trị sử dụng.

Khí còn trao đổi hàng - hàng (H-H) mâu thuẫn bên trong của hàng hóa: giữa giá trị sử dụng và giá trị chưa có hình thức biểu hiện độc lập. Tiền tệ ra đời đã chia thể giới hàng hóa thành hai nhóm đối lập: một bên là tất cả các hàng hóa thông thường biểu hiện ra như những giá trị sử dụng - sản phẩm của lao động cụ thể; và một bên là tiền tệ - hiện thân của giá trị - vật chất hóa của lao động trừu tượng.

Hai mặt của năng suất lao động

Năng suất lao động được biểu hiện trong số lượng giá trị sử dụng sản xuất ra trong một đơn vị thời gian, hoặc thời gian lao động hao phí để sản xuất ra một đơn vị sản phẩm.

La động sản xuất hàng hóa có tính hai mặt thì năng suất lao động cũng có tính hai mặt: một mặt, năng suất lao động biểu hiện như sức sản xuất của lao động cụ thể được K.Marx gọi là sức sản xuất của lao động; mặt khác, năng suất lao động là năng suất của lao động trừu tượng. Marx biểu hiện mặt đó trong phạm trù cường độ lao động.

Vì vậy, năng suất lao động biểu hiện như một hiện tượng hai mặt phức tạp, là tổng hợp hiệu quả của lao động cụ thể là lao động trừu tượng, là sự thống nhất sức sản xuất của lao động và cường độ lao động. K.Marx nói: sự nâng cao sức sản xuất của lao động và tăng cường độ lao động tác

động như nhau trong cùng một quan hệ, mặt này hay mặt khác đều làm tăng khối lượng sản phẩm sản xuất ra trong một đơn vị thời gian.

V. Lênin, trong tác phẩm bàn về điện khí hóa, chỉ ra ba phương hướng nâng cao năng suất lao động: (1) Tăng cường độ lao động (2) Cơ khí hóa lao động và (3) Hợp lý hóa lao động

Không ít trường hợp trong các tài liệu hiện nay sức sản xuất của lao động (là hiện tượng của lao động cụ thể) được đồng nhất với năng suất lao động nói chung. Nguyên nhân là đã đặt năng suất lao động đối lập với cường độ lao động. Cách đặt vấn đề như vậy đã xóa đi sự khác nhau giữa hai mặt tạo thành của năng suất lao động. K.Marx dùng thuật ngữ năng suất lao động đồng nghĩa với sức sản xuất của lao động chỉ trong trường hợp cường độ lao động không đổi.

Tính chất hai mặt của năng suất lao động xác định tính chất hai mặt của các yếu tố cấu thành năng suất lao động: Một mặt, đó là những yếu tố tác động đến hiệu quả của lao động cụ thể: máy móc, công cụ, qui trình công nghệ... mặt khác, là khối lượng hao phí lao động trừu tượng.

Cụ thể	Sức SX của lao động	Khối lượng giá trị sử dụng tăng	Khối lượng giá trị sử dụng tăng	Tính chất lao động cụ thể. Đối tượng lao động. Tư liệu lao động
lao động SX hàng hóa	Năng suất lao động	Tăng sức SX của lao động	Tăng cường độ lao động	Những yếu tố của năng suất lao động
Trừu tượng	Cường độ lao động	Khối lượng giá trị không đổi. Giá trị một sản phẩm giảm	Khối lượng giá trị tăng. Giá trị một sản phẩm không đổi	Số lượng hao phí lao động trừu tượng

Hai mặt của quá trình sản xuất TBCN

Nghiên cứu nguồn gốc giá trị thặng dư đòi hỏi phải phân biệt rõ hai mặt: giá trị sử dụng và giá trị của hàng hóa, và hai mặt của lao động sản xuất hàng hóa: lao động cụ thể tạo ra giá trị sử dụng và lao động trừu tượng tạo ra giá trị.

Sự phân biệt đó cho phép mở ra sự khác nhau giữa công thức lưu thông hàng hóa giản đơn (H-T-H) và công thức chung của tư bản (T-H-T')

Sơ đồ 2

Cụ thể	Sản xuất hàng hóa giản đơn	SX hàng hóa giản đơn, giá trị sử dụng, tiêu dùng
Lao động SX hàng hóa	Sản xuất hàng hóa	Mục đích sản xuất hàng hóa
Trừu tượng	Sản xuất hàng hóa TBCN	SX hàng hóa TBCN: giá trị thặng dư

K.Marx đã chỉ ra chìa khóa để giải quyết mâu thuẫn trong công thức chung của tư bản là ở hàng hóa sức lao động (HH-SLD).

Hàng hóa sức lao động, cũng như mọi hàng hóa khác có giá trị sử dụng và giá trị.

Giá trị sử dụng của HH-SLD bao gồm trong khả năng của công nhân mang lại giá trị thặng dư cho tư bản, đó là tính có ích đặc thù cho tư bản. Bởi vậy giá trị sử dụng của HH - SLD trực tiếp sinh ra không phải từ lao động cụ thể mà là từ lao động trừu tượng K.Marx viết rằng: Đối với nhà tư bản, giá trị của HH - SLD bao gồm trong chính sự đời ra của số lượng lao động mà công nhân tạo ra so với số lượng

lao động vật hóa trong chính nó. Sức lao động là loại hàng hóa duy nhất mà giá trị của nó biểu hiện ở khả năng tạo giá trị thặng dư cho tư bản, thể hiện trong lao động thặng dư.

Giá trị của HH-SLĐ quy định bởi hao phí lao động xã hội cần thiết để tái sản xuất SLĐ. Bởi lao động có tính hai mặt và giá trị LĐ cũng có hai mặt, và điều đó xác định hai mặt của tiền lương.

Sơ đồ 3

Cụ thể	Giá trị sử dụng đặc thù	Khối lượng những TLSX và dịch vụ	Thực tế
Lao động SX hàng hóa	HH-SLĐ	Những nhân tố xác định giá trị HH-SLĐ	Tiền lương
Trừu tượng	Giá trị	Giá trị những LT SX và dịch vụ	Danh nghĩa

Động thái tiền lương trong CNTB hiện đại bao gồm hai chiều hướng mâu thuẫn: Thứ nhất, quá trình phát triển sản xuất TBCN là quá trình tăng sức sản xuất lao động xã hội, làm giá giảm trị tư liệu sinh hoạt và dịch vụ, nghĩa là giảm giá trị sức lao động. Thứ hai, sản xuất giá trị thặng dư trong điều kiện cách mạng khoa học công nghệ đặt ra yêu cầu đầu tư vào yếu tố con người-lực lượng sản xuất quan trọng nhất. Thực hiện yêu cầu này, cần phải tăng khối lượng những tư liệu sinh hoạt và dịch vụ để tái sản xuất sức lao động. Chiều hướng thứ hai chiếm ưu thế hơn chiều hướng thứ nhất, và cộng thêm xu hướng tăng giá cả hàng hóa trong giai đoạn độc quyền, đã đưa đến xu hướng tăng tiền lương danh nghĩa và tiền lương thực tế ở trong các nước tư bản hiện đại.

Quá trình sản xuất TBCN là quá trình kết hợp của hai loại hàng hóa, hàng hóa SLĐ và hàng hóa là những TLSX. Người công nhân, bằng lao động cụ thể kết hợp với tư liệu lao động và đối tượng lao động để tạo ra các giá trị sử dụng; bằng lao động trừu tượng công nhân tái tạo giá trị SLĐ trong sản phẩm cộng thêm giá trị thặng dư. Như vậy quá trình sản xuất TBCN có hai mặt, vừa là quá trình lao động, vừa là quá trình tăng lên của giá trị, khác với quá trình sản xuất hàng hóa giản đơn (quá trình lao động và quá trình tạo giá trị).

Xét về quá trình tăng giá trị trong sản xuất TBCN cũng có hai mặt: Lao động cụ thể bảo tồn giá trị cũ chuyển sang sản phẩm, lao động trừu tượng tạo giá trị mới trong sản phẩm.

Sơ đồ 4

Cụ thể	Quá trình chuyển giá trị cũ	C
Lao động SX hàng hóa	Quá trình sản xuất TBCN	Giá trị HH-TBCN
Trừu tượng	Quá trình tạo giá trị mới	V + m

Dựa vào tính chất hai mặt của lao động sản xuất hàng hóa để nhận thức hai phương pháp sản xuất giá trị thặng dư: sản xuất giá trị thặng dư tương đối liên quan đến tăng sức sản xuất của lao động

Sơ đồ 5

Cụ thể	Khối lượng những giá trị sử dụng	Lưu thông theo hình thái tự nhiên	Chi phí tiếp tục sản xuất trong lưu thông	Hữu hình
Lao động sản xuất hàng hóa	Tư bản công nghiệp	Lưu thông tư bản công nghiệp	Chi phí lưu thông	Khấu hao tư bản cố định
Trừu tượng	Giá trị	Sự thay thế những hình thức giá trị	Chi phí lưu thông thuần túy	Vô hình

(gắn với năng lực lao động cụ thể) và sản xuất giá trị thặng dư tuyệt đối liên quan đến cường độ lao động (gắn với lao động trừu tượng).

Hai mặt của tích lũy tư bản

Tích lũy tư bản là quá trình chuyển một bộ phận giá trị thặng dư thành tư bản mới biểu hiện ra như một hiện tượng hai mặt.

Một mặt là sự tăng lên về khối lượng và chất lượng những yếu tố vật chất của tư bản (SLĐ và những giá trị sử dụng khác).

Mặt khác là sự tăng lên của giá trị tư bản nhờ có quá trình tư bản hóa.

Bởi vậy tích lũy tư bản có tính hai mặt: tích lũy về mặt hiện vật và tích lũy mặt giá trị, và hai mặt đó không phải lúc nào cũng thống nhất. Khi giá cả TLSX và SLĐ thay đổi thì tích lũy hiện vật sẽ thay đổi trong trường hợp tích lũy giá trị không thay đổi. Từ đó có thể phân tích những nhân tố tác động đến tích lũy thành hai nhóm: nhóm thứ nhất liên quan đến tăng sức sản xuất của lao động và nhóm thứ hai liên quan đến tăng cường độ lao động, khẩn trương hóa lao động, tăng tỷ suất giá trị thặng dư...

Cái sai của các nhà KTCT cổ điển là đã đồng nhất hai mặt đó - như Marx chỉ ra: KTCT cổ điển thường đồng nhất sự tăng lên của tích lũy dưới ảnh hưởng của nâng cao sức sản xuất của lao động, với việc tăng cường tích lũy dưới ảnh hưởng nâng cao cường độ bóc lột sức lao động.

Hai mặt của lưu thông tư bản và chi phí lưu thông

Sự vận động của tư bản (theo nghĩa rộng là lưu thông tư bản) được xem xét bắt đầu từ lý luận về tuần hoàn và chu chuyển của tư bản công nghiệp (tư bản có chức năng sản xuất giá trị thặng dư).

Tư bản công nghiệp, trong hình thái tư bản sản xuất, tư bản hàng hóa có cấu trúc hai mặt: một mặt là khối lượng những giá trị sử dụng trong hình thức là những yếu tố của quá trình sản xuất TBCN; mặt khác là số lượng những giá trị - do số lượng những lao động trừu tượng vật chất hóa trong TLSX và sức lao động. Bởi vậy, lưu thông của tư bản công nghiệp biểu hiện ra như một hiện tượng hai mặt: vừa là sự vận động của những giá trị sử dụng - cái tạo thành thực thể vật chất của tư bản, vừa là sự thay thế không ngừng những hình thái vật chất mà trong đó giá trị được biểu hiện. Những chi phí liên quan đến mặt thứ nhất là chi phí tiếp tục sản xuất trong lưu thông; những chi phí liên quan mặt thứ hai là chi phí lưu thông thuần túy.

Từ hai mặt của cấu trúc tư bản công nghiệp và tính chất hai mặt của lao động sản xuất hàng hóa có thể tách khấu hao tư bản cố định trên hai mặt: khấu hao hữu hình và khấu hao vô hình. (Sơ đồ 5)

Cũng trên cơ sở học thuyết tính chất hai mặt của lao động sản xuất hàng hóa mà K.Marx đã phân chia tổng sản phẩm xã hội trên hai mặt: hình thái vật chất - tự nhiên của sản phẩm (TLSX và TLTD) và mặt giá trị của những sản phẩm. Từ đó Marx đã chỉ ra những quy luật chi phối sự vận động của tổng tư bản xã hội, không chỉ là sự bù đắp, thực hiện về mặt giá trị, mà còn có sự tương xứng về mặt hiện vật.